| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHÀ BÈ**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 612/2018/HN-ST
Ngày: 23/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Trọng Nghĩa
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Quốc X
2. Bà Trần Thị Bích L.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Từ Thị Minh T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh :*** bà Lê Thị Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/04/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyên đơn: Bà Đào Nguyễn Việt N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Cù Lao Nguyễn Kiệu, phường X, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh – có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp 3, xã PL, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh – có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/03/2018; bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Đào Nguyễn Việt N trình bày:*

Bà Đào Nguyễn Việt N và ông Phan Minh T kết hôn năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2013 do Uỷ ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2013.

Do thời gian chung sống có nhiều quan điểm không hợp, không có tiếng nói chung, ông Phan Minh T thường xuyên về nhà chửi mắng, đánh đập bà N, bỏ bê gia đình, mặt khác ông T còn nghiện ma túy, bỏ nhà sống chung với cô gái khác, bà N đã ly thân với ông T, do vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay bà N xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T.

-Về con chung: có 1 con chung là Phan Hải Đ, sinh ngày 05/10/2013. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai bị đơn là ông Phan Minh T trình bày:*

Bà Đào Nguyễn Việt N và ông kết hôn năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2013 do Uỷ ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2013. Nay, bà N yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các vản bản tố tụng.

Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Đào Nguyễn Việt N yêu cầu ly hôn với ông Phan Minh T . Do ông T đang cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bà Đào Nguyễn Việt N và ông Phan Minh T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Nguyễn Việt N và ông Phan Minh T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Đào Nguyễn Việt N yêu cầu ly hôn với ông Phan Minh T với lý do thời gian chung sống vợ chồng có nhiều quan điểm không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay tình cảm của bà N cũng không còn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là có thật, khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T.

[3.2] Về con chung: có 1 con chung là Phan Hải Đ, sinh ngày 05/10/2013. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ. Do bà N có chỗ ở và kinh tế ổn định, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

[3.4] Về tài sản chung: không có.

[3.5] Về nợ chung: không có

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đào Nguyễn Việt N phải nộp;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đào Nguyễn Việt N được ly hôn với ông Phan Minh T.

[2] Về con chung:

Giao 1 con chung là Phan Hải Đ, sinh ngày 05/10/2013 cho bà Đào Nguyễn Việt Ntrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu ông Phan Minh T cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đào Nguyễn Việt Nco nghĩa vụ phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AD/2014/0008792 ngày 06/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà Nhã đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: bà Đào Nguyễn Việt N và ông Phan Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phước Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Trọng Nghĩa**